

THÔNG BÁO MỜI THẦU/CHÀO HÀNG

Kính gửi: Các đơn vị nhà cung cấp tại Việt Nam

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định đang có nhu cầu **thuê 01 máy siêu âm có chức năng đo hình thái thai nhi và 01 máy siêu âm có chức năng đo đàn hồi mô định lượng** phục vụ tại Bệnh viện. Kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và điều kiện tham gia chào giá với các thông tin sau:

Tên gói thầu: HỒ SƠ CHÀO GIÁ THUÊ 02 MÁY SIÊU ÂM.....

1. Thông số kỹ thuật: yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật đính kèm.....
2. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
3. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng thuê máy
4. Thời gian nhận chào giá: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Thông báo
5. Hiệu lực của chào giá: 90 ngày
6. Yêu cầu hồ sơ chào giá:

6.1. Hồ sơ chào giá có niêm phong, đóng dấu ký tên của người có thẩm quyền.

6.2. Số lượng Hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (bản gốc)

6.3. Nội dung Hồ sơ chào giá bao gồm:

- Thư chào giá cạnh tranh
- Bảng chào giá
- Thời gian thuê: 1 năm/ 3 năm hoặc thời gian do nhà cung cấp đề xuất.
- Hồ sơ năng lực:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh (bản sao)
 - + Khai năng lực nhà cung cấp trong lĩnh vực kinh doanh chính (nếu có)
- Hồ sơ kinh nghiệm
 - Khai các hợp đồng đã và đang thực hiện với các Bệnh Viện. (nếu có)
- Hồ sơ nguồn gốc, thông tin vật tư, thiết bị
- Thư giảm giá hoặc các tài liệu khác nếu có
- Bảng đáp ứng theo yêu cầu tính năng kỹ thuật đính kèm.
- Về bảo đảm thực hiện hợp đồng: Việc áp dụng bảo đảm thực hiện hợp đồng được xem xét trên cơ sở phương án thanh toán được thống nhất trong quá trình lựa chọn nhà thầu. Trường hợp hợp đồng không phát sinh thanh toán ứng trước, Bệnh viện không yêu cầu



bảo đảm thực hiện hợp đồng Trường hợp hợp đồng có phát sinh thanh toán ứng trước, Bệnh viện sẽ yêu cầu nhà thầu trúng thầu cung cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn trả tiền ứng trước với giá trị tương ứng

6.4. Nội dung khác:

- Điều kiện thanh toán Chủ Đầu Tư mong muốn
Thanh toán 100% trong vòng 90 ngày kể từ ngày bàn giao nghiệm thu và xuất hóa đơn tài chính

(Hoặc điều kiện thanh toán khác theo thỏa thuận)

6.5. Bảo hành, bảo trì:

- Bảo hành, bảo trì: trong suốt thời gian thuê.

6.6. Đơn vị chào giá cam kết:

- Chỉ tham gia với tư cách 01 nhà cung cấp chính;
- Tại thời điểm chào giá, không thuộc trường hợp giải thể hoặc không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định pháp luật.
- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành trong phạm vi hoạt động của đơn vị chào giá.

Hồ sơ có thể gửi trực tiếp, bằng fax hoặc qua bưu điện qua địa chỉ sau:

Phòng Mua Hàng - CTCP Bệnh viện Đa khoa Bình Định

Địa chỉ: Số 39A Phạm Ngọc Thạch, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0256 247 8888, di động: 0966 271 115 – phòng mua hàng

Email: Muahang@benhvienbinhdinh.com.vn

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Quý công ty./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Phòng Mua hàng



YÊU CẦU TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

(Đính kèm thông báo số: 81.../TB-CTCPBVĐKBD)

I	MÁY SIÊU ÂM DOPPLER MÀU (ĐÀN HỒI MÔ ĐỊNH LƯỢNG)			
A	Yêu cầu chung			
	- Năm sản xuất: 2025 trở về sau, mới 100%			
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và ISO 9001 hoặc tương đương.			
	- Yêu cầu môi trường hoạt động của thiết bị:			
	+ Nhiệt độ $\leq 10^{\circ}\text{C} \sim \geq 35^{\circ}\text{C}$			
	+ Độ ẩm $\leq 30\% \sim \geq 75\%$			
	+ Áp suất $\leq 700 \text{ hPa} \sim \geq 1060 \text{ hPa}$			
	- Nguồn điện sử dụng: 100-240V, 50/60Hz			
B	Yêu cầu cấu hình			
	- Máy chính siêu âm	1	Cái	
	- Đầu dò Convex 2D đa tần số	1	Cái	
	- Đầu dò Linear đa tần số	1	Cái	
	- Đầu dò Phased Array 2D	1	Cái	
	- Đầu dò siêu âm tim nhi đa tần số	1	Cái	
	- Phụ kiện đi kèm: máy in màu, máy vi tính	1	Bộ	
	- Phần mềm trả kết quả siêu âm bằng tiếng Việt	1	Bộ	
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
	- Phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng trên đầu dò Convex	1	Bộ	swi
	- Phần mềm siêu âm đàn hồi mô bán định lượng trên đầu dò Linear	1	Bộ	E strain
	- Phần mềm tự động đo độ dày lớp nội mạc	1	Bộ	Auto imt
	- Phần mềm tự động đo phân suất tổng máu	1	Bộ	Auto ef
	- Phần mềm chuẩn truyền tín hiệu hình ảnh trong y tế DICOM	1	Bộ	Dicom
	- Phần mềm thể hiện hình ảnh trực quan	1	Bộ	Lumiflow

	3D mạch máu			
	- Phần mềm siêu âm Doppler hiển thị dòng chảy chậm cho các vi mạch máu	1	Bộ	Mv flow
	- Phần mềm siêu âm tim người lớn đánh giá chức năng tâm thất trái	1	Bộ	Strain lv
	- Phần mềm siêu âm đàn hồi định tính	1	Bộ	Elatoscan
	- Phần mềm siêu âm độ nhiễm mỡ gan	1	Bộ	Qus
C	Chỉ tiêu kỹ thuật			
	Thiết kế của máy			
	- ≥ 4 cổng nối đầu dò			
	- 4 bánh xe xoay có khóa để di chuyển máy			
	- Bảng điều khiển kèm trackball và bàn phím cứng			
	- Tay cầm đẩy ở phía trước và phía sau máy			
	- Màn hình cảm ứng			
	- Tích hợp SSD $\geq 500\text{GB}$			
	- Windows 10			
	- RAM DDR4 SDRAM $\geq 16\text{GB}$			
	Màn hình chính			
	- Màn hình LED $\geq 21.5''$, độ phân giải cao 1920x1080			
	- Có thể chỉnh góc nghiêng $\leq -90^{\circ} \sim \geq +10^{\circ}$			
	- Góc nhìn $\geq 178^{\circ}$			
	- Có thể chỉnh góc xoay $\leq \pm 360^{\circ}$			
	- Điều chỉnh độ sáng, độ tương phản, độ nét			
	Bảng điều khiển (control panel)			
	- Có thể điều chỉnh độ cao: $\geq 180\text{ mm}$			
	- Có thể chỉnh xoay $\geq \pm 30^{\circ}$			
	- Có đèn nền thao tác			
	- Bao gồm màn hình LED cảm ứng $\geq 14''$			
	- Màn hình cảm ứng điện dung với độ phân giải 1920x1080			
	- Điều chỉnh TGC trên màn hình cảm ứng			
	Các ứng dụng siêu âm/ chế độ đo lường			
	- Siêu âm bụng (Abdomen)			
	- Siêu âm tim (Cardiac)			
	- Phụ khoa (Gynecology)			
	- Cơ xương (MSK)			

- Sản khoa (Obstetrics)	
- Nhi khoa (Pediatric)	
- Siêu âm các cơ quan nhỏ (Small Parts)	
- Niệu khoa (Urology)	
- Siêu âm mạch máu (Vascular)	
Các Mode hoạt động/ mode hiển thị	
- Mode B (2D)	
- Mode doppler màu (C)	
- Mode doppler xung (PWD)	
- Mode doppler liên tục (CWD)	
- Mode doppler năng lượng (PD)	
- Mode M	
- Anatomical M Mode	
- Mode TDI/TDW	
- Chia đôi màn hình, chia 4 màn hình	
- Mode zoom	
- Mode màn hình rộng/ màn hình lớn	
- Mode toàn màn hình	
Những nét chính của thiết bị	
- Có chức năng tự động tối ưu hóa các thông số thang độ xám và Doppler bằng một nút nhấn	
- Có chức năng tự động tính toán Doppler theo thời gian thực (Real-time Automatic Doppler Calculation)	
- Có phần mềm đo các thông số hình thái học bán tự động hoặc tự động ≥ 10 thông số hình thái học thai nhi	
- Có công nghệ tăng độ nét cho hình ảnh ClearVision	
- Có công nghệ phát đa chùm tia nhằm loại bỏ nhiễu tán xạ, tăng độ sắc nét đường viền	
- Chế độ hình ảnh hình thang trên đầu dò Linear	
- Hỗ trợ lưu trữ sang thiết bị USB bên ngoài	
- Số kênh xử lý dữ liệu $\geq 8.000.000$	
- Độ sâu hình ảnh ≥ 55 cm	
- Dải động hệ thống ≥ 372	
- Số màu sắc $\geq 16.000.000$ màu	
- Bộ nhớ cine ảnh tối đa ≥ 85.000 frames	
Cổng ngoại vi	
- Cổng xuất HDMI ≥ 2 cổng độ phân giải 1920x1080	

	- Cổng USB 3.0 ≥ 4 cổng	
	- Cổng mạng Ethernet 10/100/1000BASE-T	
	THAM SỐ QUÉT	
	2D Mode	
	- Tốc độ khung hình ≥ 5.000 Hz	
	- Bản đồ xám ≥ 12 bước	
	- Trung bình khung ≥ 9 bước	
	- Hệ màu ảnh ≥ 17 bước	
	- 256 mức xám	
	- Mật độ dòng ≥ 3 mức	
	- Mức độ giảm nhiễu ≥ 5 mức	
	- Có thể lật ảnh/xoay ảnh	
	- Số điểm TGC ≥ 10 điểm	
	- Phóng đại gồm Read zoom, Write zoom	
	M Mode	
	- Tốc độ quét ≥ 5 mức	
	- Định dạng hiển thị hình ảnh: trên/dưới, trái/phải	
	- Năng lượng 2 ~ 100%	
	- Gain 0 ~ 100%	
	- Anatomical M	
	Color Mode	
	- Vận tốc tối đa $\geq 7,50$ m/s	
	- Vận tốc tối thiểu ≥ 1 cm/s	
	- Tần số lặp xung $\leq 0,05 - \geq 25,97$ KHz (tùy đầu dò)	
	- Tốc độ khung hình tối đa ≥ 686 Hz	
	- Góc lái tia $\geq \pm 30^\circ$	
	- Đa mức tần số ≥ 5 mức	
	- Bộ lọc ≥ 4 mức	
	- Độ mịn/độ mượt có thể điều chỉnh ≥ 5 mức	
	- Hậu xử lý bao gồm đường cơ sở, đảo màu, bản đồ màu, ẩn màu, pha trộn, phương sai và thu phóng ảnh	
	- Tự động điều chỉnh quá trình truyền và nhận dựa trên vị trí hộp màu, cung cấp độ nhạy và độ phân giải màu tối ưu	
	PWD Mode	
	- Tốc độ khung hình tối đa ≥ 38 Hz	

- Vận tốc tối đa ≥ 70 m/s	
- Vận tốc tối thiểu ≥ 4.5 cm/s	
- Tần số lặp xung $\leq 1.04 - \geq 35.96$ KHz (tùy đầu dò)	
- Đường nền ≥ 8 mức	
- Góc lấy mẫu $\geq \pm 80^\circ$	
- Lích thước lấy mẫu ≤ 0.5 mm - ≥ 25 mm	
CWD Mode	
- Vận tốc tối đa ≥ 90 m/s	
- Vận tốc tối thiểu ≥ 10 cm/s	
- Tốc độ quét ≥ 117 mm/s	
- Bộ lọc ≥ 24 mức	
- Tần số lặp xung $\leq 1.75 - \geq 52.5$ KHz (tùy đầu dò)	
- Đường nền ≥ 8 mức	
- Góc lấy mẫu $\geq \pm 80^\circ$	
- Lích thước lấy mẫu ≤ 0.5 mm - ≥ 25 mm	
PD Mode	
- Có thể đảo màu	
- Khử nhiễu chuyển động nâng cao với thuật toán thông minh; thích ứng với nhiều loại ứng dụng để loại bỏ có chọn lọc hầu hết các hiện tượng nhiễu chuyển động màu	
- Vùng quan tâm Doppler được điều khiển bằng bi xoay: kích thước và vị trí	
ElastoScan+ Mode	
- Chỉ số bản đồ màu: ≥ 6 mức	
- Có thể điều chỉnh độ tương phản	
- Có chức năng so sánh kích thước và đo lường trong chế độ hiển thị song song	
Chức năng định lượng đàn hồi mô (tối thiểu đàn hồi mô gan)	
- Biến dạng mô theo thời gian thực nhờ áp dụng công nghệ xung siêu âm đặc biệt	
- Có bản đồ thể hiện độ tin cậy của điểm	
- Có chế độ hiển thị m/s, kPa	
- Lưu kết quả đo gồm hình ảnh và khu vực hiển thị kết quả đo	
- Được phép chọn tối đa ≥ 20 vùng đo trong mô	
- Có thể hiển thị tỉ lệ đàn hồi	

	CÁC LOẠI ĐẦU DÒ	
	Đầu dò Linear vật liệu đơn tinh thể đa tần số	
	- Dải tần : $\leq 2 - \geq 14$ MHz	
	- Trường nhìn ≥ 50 mm	
	- Số chấn tử ≥ 256	
	Đầu dò Convex 2D vật liệu đơn tinh thể đa tần số	
	- Dải tần: $\leq 1 - \geq 7$ MHz	
	- Bán kính cong ≥ 56 mm	
	- Trường nhìn $\geq 66^\circ$ (Có thể mở rộng $\geq 102^\circ$)	
	- Số chấn tử ≥ 192	
	Đầu dò tìm người lớn vật liệu đơn tinh thể	
	- Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz	
	- Trường nhìn $\geq 90^\circ$	
	- Số chấn tử ≥ 80	
	Đầu dò tìm nhi	
	- Dải tần: $\leq 3 - \geq 8$ MHz	
	- Trường nhìn $\geq 90^\circ$	
	- Số chấn tử ≥ 96	
	Gói chương trình đo lường	
	- Đo lường cơ bản (khoảng cách, chu vi, diện tích, phần trăm hẹp, vận tốc, ...)	
	- Gói đo lường Doppler (thời gian, gia tốc, tỉ lệ S/D, tỉ lệ D/S, PI, RI, nhịp tim, ...)	
	- Gói đo lường thai (hình thái học thai, xương dài, não, AFI, động mạch rốn, động mạch não giữa, tim thai, so sánh đa thai, ...)	
	- Gói đo lường tim người lớn (các phép đo ở thất trái, thất phải, nhĩ trái, nhĩ phải, doppler mô, chỉ số Tei, nhịp tim, ...)	
	- Các gói đo lường mạch máu	
	- Các gói đo lường tuyến giáp/tuyến vú	
	- Các gói đo lường cơ xương khớp	

II	MÁY SIÊU ÂM DOPPLER MÀU (HÌNH THÁI THAI NHI)			
A	Yêu cầu chung			
	- Năm sản xuất: 2025 trở về sau, mới 100%			
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và ISO 9001 hoặc tương đương.			
	- Yêu cầu môi trường hoạt động của thiết bị:			
	+ Nhiệt độ $\leq 10^{\circ}\text{C} \sim \geq 35^{\circ}\text{C}$			
	+ Độ ẩm $\leq 30\% \sim \geq 75\%$			
	+ Áp suất $\leq 700 \text{ hPa} \sim \geq 1060 \text{ hPa}$			
	- Nguồn điện sử dụng: 100-240V, 50/60Hz			
B	Yêu cầu cấu hình			
	- Máy chính siêu âm	1	Cái	
	- Đầu dò Convex 2D đa tần số	1	Cái	
	- Đầu dò Convex 4D đa tần số	1	Cái	
	- Đầu dò Linear đa tần số	1	Cái	
	- Đầu dò siêu âm âm đạo	1	Cái	
	- Phụ kiện đi kèm: máy in màu, máy vi tính	1	Bộ	
	- Phần mềm trả kết quả siêu âm bằng tiếng Việt	1	Bộ	
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng	1	Bộ	
	- Gói phần mềm quét 3D/4D nâng cao có chức năng điều chỉnh hướng sáng nhân tạo tăng độ sắc nét cho hình ảnh	1	Bộ	Smart 4d realisticvue
	- Công nghệ kết xuất giúp cải thiện các góc và cấu trúc nhỏ trong hình ảnh. giúp thể hiện chi tiết các góc cạnh của thai nhi.	1	Bộ	hdvi
	- Phần mềm thể hiện hình ảnh trực quan 3D mạch máu	1	Bộ	lumiflow
	- Phần mềm siêu âm Doppler hiển thị dòng chảy chậm cho các vi mạch máu	1	Bộ	mvflow
	- Phần mềm khảo sát cấu trúc bên trong và bên ngoài bằng hình ảnh 4D.	1	Bộ	Crystal

	- Phần mềm truyền hình ảnh siêu âm qua điện thoại.	1	Bộ	Hello mom
	- Phần mềm chuẩn truyền tín hiệu hình ảnh trong y tế DICOM	1	Bộ	dicom
C	Chỉ tiêu kỹ thuật			
	Thiết kế của máy			
	- ≥ 4 cổng nối đầu dò			
	- 4 bánh xe xoay có khóa để di chuyển máy			
	- Bảng điều khiển kèm trackball và bàn phím cứng			
	- Tay cầm đẩy ở phía trước và phía sau máy			
	- Màn hình cảm ứng			
	- Tích hợp SSD $\geq 500\text{GB}$			
	- Windows 10			
	- RAM DDR4 SDRAM $\geq 16\text{GB}$			
	Màn hình chính			
	- Màn hình LED $\geq 21.5''$, độ phân giải cao 1920x1080			
	- Có thể chỉnh góc nghiêng $\leq -90^\circ \sim \geq +10^\circ$			
	- Góc nhìn $\geq 178^\circ$			
	- Có thể chỉnh góc xoay $\leq \pm 360^\circ$			
	- Điều chỉnh độ sáng, độ tương phản, độ nét			
	Bảng điều khiển (control panel)			
	- Có thể điều chỉnh độ cao: $\geq 180\text{ mm}$			
	- Có thể chỉnh xoay $\geq \pm 30^\circ$			
	- Có đèn nền thao tác			
	- Bao gồm màn hình LED cảm ứng $\geq 14''$			
	- Màn hình cảm ứng điện dung với độ phân giải 1920x1080			
	- Điều chỉnh TGC trên màn hình cảm ứng			
	Các ứng dụng siêu âm/ chế độ đo lường			
	- Siêu âm bụng (Abdomen)			
	- Phụ khoa (Gynecology)			

- Cơ xương (MSK)	
- Sản khoa (Obstetrics)	
- Nhi khoa (Pediatric)	
- Siêu âm các cơ quan nhỏ (Small Parts)	
- Niệu khoa (Urology)	
- Siêu âm mạch máu (Vascular)	
Các Mode hoạt động/ mode hiển thị	
- Mode B (2D)	
- Mode doppler màu (C)	
- Mode doppler xung (PWD)	
- Mode doppler năng lượng (PD)	
- Mode M	
- Anatomical M Mode	
- Chia đôi màn hình, chia 4 màn hình	
- Mode zoom	
- Mode màn hình rộng/ màn hình lớn	
- Mode toàn màn hình	
Những nét chính của thiết bị	
- Có chức năng tự động tối ưu hóa các thông số thang độ xám và Doppler bằng một nút nhấn	
- Có chức năng tự động tính toán Doppler theo thời gian thực (Real-time Automatic Doppler Calculation)	
- Có phần mềm đo các thông số hình thái học bán tự động hoặc tự động ≥ 10 thông số hình thái học thai nhi	
- Có công nghệ tăng độ nét cho hình ảnh ClearVision	
- Có công nghệ phát đa chùm tia nhằm loại bỏ nhiễu tán xạ, tăng độ sắc nét đường viền	
- Chế độ hình ảnh hình thang trên đầu dò Linear	
- Hỗ trợ lưu trữ sang thiết bị USB bên ngoài	
- Số kênh xử lý dữ liệu $\geq 8.000.000$	
- Độ sâu hình ảnh ≥ 55 cm	

	- Dải động hệ thống ≥ 372	
	- Số màu sắc $\geq 16.000.000$ màu	
	- Bộ nhớ cine ảnh tối đa ≥ 85.000 frames	
	Cổng ngoại vi	
	- Cổng xuất HDMI ≥ 2 cổng độ phân giải 1920x1080	
	- Cổng USB 3.0 ≥ 4 cổng	
	- Cổng mạng Ethernet 10/100/1000BASE-T	
	THAM SỐ QUÉT	
	2D Mode	
	- Tốc độ khung hình ≥ 5.000 Hz	
	- Bản đồ xám ≥ 12 bước	
	- Trung bình khung ≥ 9 bước	
	- Hệ màu ảnh ≥ 17 bước	
	- 256 mức xám	
	- Mật độ dòng ≥ 3 mức	
	- Mức độ giảm nhiễu ≥ 5 mức	
	- Có thể lật ảnh/xoay ảnh	
	- Số điểm TGC ≥ 10 điểm	
	- Phóng đại gồm Read zoom, Write zoom	
	M Mode	
	- Tốc độ quét ≥ 5 mức	
	- Định dạng hiển thị hình ảnh: trên/dưới, trái/phải	
	- Năng lượng 2 ~ 100%	
	- Gain 0 ~ 100%	
	- Anatomical M	
	Color Mode	
	- Vận tốc tối đa ≥ 7.50 m/s	
	- Vận tốc tối thiểu ≥ 1 cm/s	
	- Tần số lặp xung $\leq 0,05 - \geq 25,97$ KHz (tùy đầu dò)	

- Tốc độ khung hình tối đa ≥ 686 Hz	
- Góc lái tia $\geq \pm 30^\circ$	
- Đa mức tần số ≥ 5 mức	
- Bộ lọc ≥ 4 mức	
- Độ mịn/độ mượt có thể điều chỉnh ≥ 5 mức	
- Hậu xử lý bao gồm đường cơ sở, đảo màu, bản đồ màu, ảnh màu, pha trộn, phương sai và thu phóng ảnh	
- Tự động điều chỉnh quá trình truyền và nhận dựa trên vị trí hộp màu, cung cấp độ nhạy và độ phân giải màu tối ưu	
PWD Mode	
- Tốc độ khung hình tối đa ≥ 38 Hz	
- Vận tốc tối đa ≥ 70 m/s	
- Vận tốc tối thiểu ≥ 4.5 cm/s	
- Tần số lặp xung $\leq 1.04 - \geq 35.96$ KHz (tùy đầu dò)	
- Đường nền ≥ 8 mức	
- Góc lấy mẫu $\geq \pm 80^\circ$	
- Lích thước lấy mẫu ≤ 0.5 mm - ≥ 25 mm	
PD Mode	
- Có thể đảo màu	
- Khử nhiễu chuyển động nâng cao với thuật toán thông minh; thích ứng với nhiều loại ứng dụng để loại bỏ có chọn lọc hầu hết các hiện tượng nhiễu chuyển động màu	
- Vùng quan tâm Doppler được điều khiển bằng bi xoay: kích thước và vị trí	
3D/4D Mode	
- Tốc độ khung hình tối đa ≥ 40 Hz	
- Chất lượng quét ≥ 6 mức	
- Thời gian quét ≥ 15 giây	
- Độ trong suốt ≥ 250 mức	
- Pha trộn ≥ 100 mức	
- Có thể điều chỉnh vùng sáng	

	- Màu sắc có thể điều chỉnh ≥ 8 mức màu	
	- Độ bão hòa có thể điều chỉnh ≥ 100 mức	
	CÁC LOẠI ĐẦU DÒ	
	Đầu dò Linear vật liệu đơn tinh thể đa tần số	
	- Dải tần : $\leq 2 - \geq 14$ MHz	
	- Trường nhìn ≥ 50 mm	
	- Số chấn tử ≥ 256	
	Đầu dò Convex 2D vật liệu đơn tinh thể đa tần số	
	- Dải tần: $\leq 1 - \geq 7$ MHz	
	- Bán kính cong ≥ 56 mm	
	- Trường nhìn $\geq 66^\circ$ (Có thể mở rộng $\geq 102^\circ$)	
	- Số chấn tử ≥ 192	
	Đầu dò Convex 4D vật liệu đơn tinh thể đa tần số	
	- Dải tần: $\leq 1 - \geq 8$ MHz	
	- Bán kính cong ≥ 41.4 mm	
	- Trường nhìn $\geq 70^\circ$	
	- Số chấn tử ≥ 128	
	- Góc dựng ảnh khối $\geq 85^\circ$	
	Đầu dò âm đạo 2D	
	- Dải tần: $\leq 2 - \geq 11$ MHz	
	- Bán kính cong ≥ 10 mm	
	- Trường nhìn $\geq 150^\circ$ (Có thể mở rộng $\geq 180^\circ$)	
	- Số chấn tử ≥ 128	
	Gói chương trình đo lường	
	- Đo lường cơ bản (khoảng cách, chu vi, diện tích, phần trăm hẹp, vận tốc, ...)	
	- Gói đo lường Doppler (thời gian, gia tốc, tỉ lệ S/D, tỉ lệ D/S, PI, RI, nhịp tim, ...)	
	- Gói đo lường thai (hình thái học thai, xương dài, não, AFI, động mạch rốn, động mạch não giữa, tim thai, so sánh đa thai, ...)	

	- Các gói đo lường bụng tổng quát	
	- Các gói đo lường mạch máu	
	- Các gói đo lường tuyến giáp/tuyến vú	
	- Các gói đo lường cơ xương khớp	

